

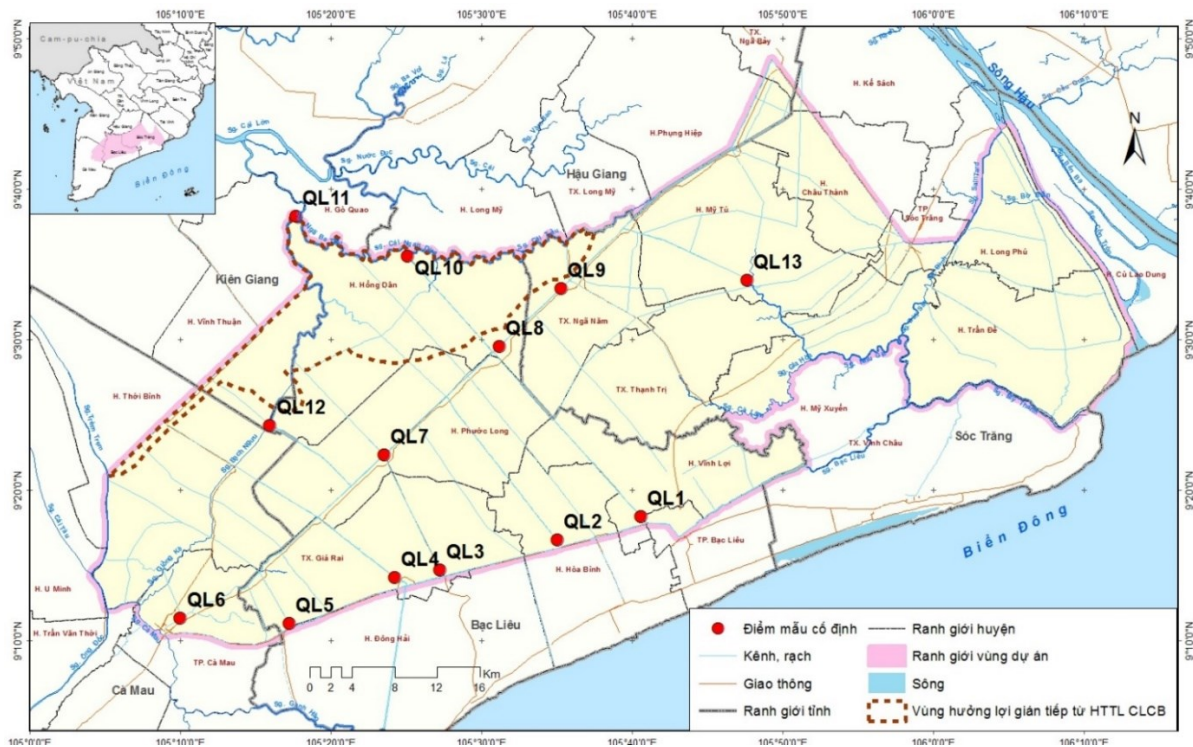
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2024

BẢN TIN TUẦN KỲ 18

“Đợt đo ngày 20/6/2024, dự báo từ 04/7/2024 đến 10/7/2024”

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



2. Dự báo chất lượng nước ngày 04/7÷10/7/2024

Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD, NH₄⁺. Biểu đồ dự báo các thông số được thể hiện dưới đây:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo dao động 0,1÷25,5‰. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn dự báo hầu hết nhỏ hơn ranh mặn 2‰ đảm bảo nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn đáp ứng được nhu cầu cấp nước mặn cho việc nuôi trồng thủy sản (>5‰) tại tất cả các vị trí.

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 04/7/2024÷10/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	10/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,8	0,8	0,8	0,7	0,7	0,7	0,8	0,7	0,8
QL2		0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	0,7	0,7	0,8
QL8		1,4	1,2	1,0	1,0	1,2	1,4	1,6	1,0	1,6
QL9		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
QL13		0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,2	0,0	0,2
QL3	Chuyển đổi	16,6	16,6	16,0	14,9	14,5	15,2	16,6	14,5	16,6
QL4		20,0	19,0	17,9	17,5	18,0	19,4	20,9	17,5	20,9
QL5		18,1	17,9	18,3	18,7	18,8	18,9	19,2	17,9	19,2
QL6		17,2	17,3	17,4	17,4	17,6	17,7	17,5	17,2	17,7
QL7		10,0	9,4	9,0	8,9	8,9	9,0	9,1	8,9	10,0
QL10		5,4	5,3	5,2	5,1	5,1	5,1	5,1	5,1	5,4
QL11		9,9	9,9	9,9	9,8	9,5	9,3	9,2	9,2	9,9
QL12		21,8	22,4	23,2	24,5	25,5	25,4	23,8	21,8	25,5
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 04/7/2024÷10/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	10/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	5,46	5,43	5,40	5,35	5,29	5,25	5,27	5,25	5,46
QL2		5,42	5,40	5,38	5,36	5,37	5,38	5,40	5,36	5,42
QL8		6,71	6,71	6,67	6,62	6,55	6,47	6,41	6,41	6,71
QL9		5,42	5,42	5,43	5,43	5,43	5,43	5,43	5,42	5,43
QL13		5,51	5,58	5,67	5,73	5,74	5,72	5,71	5,51	5,74
QL3	Chuyển đổi	5,47	5,48	5,48	5,49	5,50	5,50	5,50	5,47	5,50
QL4		4,76	4,76	4,75	4,75	4,74	4,35	4,49	4,35	4,76
QL5		5,37	5,37	5,36	5,36	5,36	5,35	5,35	5,35	5,37
QL6		4,76	4,71	4,79	4,90	5,03	5,16	5,25	4,71	5,25
QL7		4,52	4,60	4,64	4,61	4,48	4,23	3,91	3,91	4,64
QL10		4,58	4,63	4,64	4,61	4,54	4,46	4,44	4,44	4,64
QL11		6,33	6,31	6,28	6,25	6,22	6,18	6,15	6,15	6,33
QL12		5,51	5,47	5,44	5,42	5,40	5,38	5,36	5,36	5,51

QCVN 08:2015 (Cột A1)	>=6
QCVN 08:2015 (Cột B1)	>=4
Vượt cột B1	<4

Kết quả dự báo hàm lượng DO với dao động 3,91÷5,7 mg/l. Trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng DO dự báo đa phần nằm trong ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT đảm bảo cho nuôi trồng thủy sản.

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong tuần dao động từ 8,98÷26,39 mg/l. Hầu hết các vị trí có hàm lượng BOD₅ dự báo đạt ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo phục vụ cấp nước cho canh tác nông nghiệp. Ngoại trừ, tại cống cà Mau (QL6) và kênh Phong Thạnh Tây có hàm lượng BOD₅ cao vượt ngưỡng cột B1 từ 1÷1,76, không đáp ứng nhu cầu cấp nước cho nuôi trồng thủy sản.

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 04/7/2024÷10/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	10/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	14,63	14,75	14,44	14,16	14,18	14,42	15,41	14,16	15,41
QL2		13,80	14,41	15,63	16,35	17,49	18,13	18,01	13,80	18,13
QL8		12,92	13,39	13,68	13,74	13,66	13,52	13,36	12,92	13,74
QL9		15,04	14,64	14,47	14,41	15,24	15,23	15,21	14,41	15,24
QL13		9,03	8,98	8,98	9,08	9,26	9,48	9,72	8,98	9,72
QL3	Chuyển đổi	14,19	14,23	14,28	14,31	14,32	14,30	14,23	14,19	14,32
QL4		13,04	13,08	13,27	13,48	13,75	14,16	14,63	13,04	14,63
QL5		13,09	12,98	13,13	13,26	13,36	13,61	13,94	12,98	13,94
QL6		21,58	22,53	23,45	24,31	24,98	26,39	19,17	19,17	26,39
QL7		14,36	14,56	14,36	13,87	13,66	13,67	13,80	13,66	14,56
QL10		13,08	13,20	13,28	13,36	13,47	13,62	13,78	13,08	13,78
QL11		12,97	12,79	12,57	12,58	12,62	12,60	12,53	12,53	12,97
QL12		14,02	13,89	13,99	14,80	16,24	17,27	17,33	13,89	17,33
QCVN 08:2015 Cột A1		4								
QCVN 08:2015 Cột B1		15								
Vượt cột B1		>15								

2.4. Amoni (NH₄⁺)

Bảng 4: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 04/7/2024÷10/7/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	10/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	1,11	1,18	1,30	1,34	1,36	1,41	1,45	1,11	1,45
QL2		1,63	1,75	1,83	1,86	1,88	1,86	1,80	1,63	1,88
QL8		0,91	0,92	0,90	0,87	0,84	0,80	0,76	0,76	0,92
QL9		1,30	1,33	1,33	1,32	1,29	1,25	1,21	1,21	1,33
QL13		0,63	0,63	0,63	0,61	0,55	0,47	0,46	0,46	0,63
QL3	Chuyển đổi	0,82	0,77	0,72	0,70	0,69	0,68	0,68	0,68	0,82

QL4		0,92	0,91	0,90	0,89	0,88	0,87	0,89	0,87	0,92
QL5		0,97	0,98	0,97	0,95	0,93	0,91	0,90	0,90	0,98
QL6		1,77	1,59	1,49	1,46	1,51	1,59	1,67	1,46	1,77
QL7		1,07	1,08	1,04	1,02	1,10	1,20	1,27	1,02	1,27
QL10		0,92	0,93	0,91	0,89	0,90	0,93	0,95	0,89	0,95
QL11		0,83	0,84	0,87	0,93	1,01	1,10	1,16	0,83	1,16
QL12		0,81	0,77	0,75	0,74	0,74	0,74	0,76	0,74	0,81
QCVN 08:2015 (Cột A1)		0,3								
QCVN 08:2015 (Cột B1)		0,9								
Vượt cột B1		> 0,9								

Giá trị NH_4^+ dự báo dao động từ $0,46 \div 1,88$ mg/l. Trong tiểu vùng ngọt hóa, hàm lượng amoni vượt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, tuy nhiên vẫn có thể dùng nước cho tưới tiêu trồng trọt. Đối với tiểu vùng chuyển đổi, đa phần hàm lượng amoni vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT, không đảm bảo nhu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi. Ngoại trừ cống Giá Rai và Kênh Phong Thạnh Tây có dự báo hàm lượng amoni nằm trong ngưỡng cột B1.

Khuyến cáo: Trong thời gian dự báo, phần lớn độ mặn tại trong tiểu vùng chuyển đổi cao phù hợp cho việc lấy nước nuôi trồng thủy sản (>5‰). Hàm lượng BOD_5 dự báo tại cống cà Mau (QL6) và kênh Phong Thạnh Tây cao vượt ngưỡng cột B1, không phù hợp lấy nước cho sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng NH_4^+ dự báo trong tiểu vùng chuyển đổi đa phần vượt ngưỡng cho phép, không đảm bảo cho cấp nước sản xuất nông nghiệp, ngoại trừ cống Giá Rai và Kênh Phong Thạnh Tây.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng